

Đền Thính (hay còn gọi là đền Bắc Cung) nằm ở xã Tam Hồng huyện Yên Lạc tỉnh Vĩnh Phúc. Đền thờ đức thánh Tản Viên, một trong tứ bất tử của tâm thức người Việt Nam. Theo truyền thuyết dân gian, Tản Viên Sơn Thánh là Sơn Tinh – con rể vua Hùng đã có công giúp vua cha chiến thắng thủy thần, đánh đuổi giặc ngoại bang xâm lấn bờ cõi, giữ vững ổn định biên cương Văn Lang.

Đền được khởi dựng tại nơi mà trước đó Đức Thánh nghỉ lại trong cuộc vi hành giúp dân khai điền, trị thủy. Để ghi nhớ công lao của Tản Viên Sơn Thánh, tại vị trí này nhân dân Tam Hồng dựng một ngôi đền để thờ phụng gọi là đền Thính. Đền tọa lạc giữa cánh đồng màu mỡ trên khu đất rộng 10.000m² tựa mình bên những con kênh uốn lượn, bao quanh là làng mạc trù phú, dân cư đông đúc. Từ trung tâm huyện Yên Lạc, du khách theo con đường trải nhựa chừng 300m sẽ đến ngay được khu Đền. Ai đã qua đây một lần sẽ không thể nào quên được sự tuyệt diệu của một không gian Càn Khôn hòa nhập.

Một khu vườn cây um tùm quanh năm xanh tốt, những cành cây vươn dài, tán lá xòe ra như bàn tay khổng lồ ôm lấy mái đền cổ kính, uy linh, hương lúa, hương ngô ùa vào đền quện lẫn khói hương trầm ngan ngát. Tiếng chuông trong ngân dội vào thính không huyền ảo khiến tâm hồn con người vui bết nổi nhọc nhằn nơi trần thế. Hai bên tả mạc, hữu mạc đứng uy nghi và trầm mặc bao lấy khu sân gạch rộng lớn, trông lên một công trình kiến trúc độc đáo.

Chùa Tích Sơn là một trong những điểm tham quan du lịch ở Vĩnh Phúc được rất nhiều người yêu thích ghé thăm. Chùa nằm ở phường Tích Sơn, thành phố Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc. Tích Sơn vốn là một ngôi chùa cổ, là điểm đến tâm linh của người dân Vĩnh Phúc và nhiều du khách thập phương tìm đến. Về thời gian xây dựng chùa Tích Sơn không có tài liệu nào ghi rõ, tuy nhiên thông qua kiến trúc, nhiều nhà nghiên cứu cho rằng chùa được xây dựng vào cuối thời Hậu Lê, đầu thời nhà Nguyễn và trải qua nhiều lần trùng tu. Ngôi chùa này có ý nghĩa về mặt tâm linh cũng như trong lịch sử đây còn là nơi căn cứ cách mạng, là nơi nuôi giấu cán bộ.

Chùa Tích Sơn có quy mô đồ sộ với nhiều kiến trúc nối liền nhau như tam quan, gác chuông, nhà Tổ, chánh điện và mộ tháp, tất cả tạo nên một hệ thống chùa Tích Sơn thiêng liêng, bề thế. Chánh điện của chùa Tích Sơn có kiến trúc hình chữ đình, với hệ thống cột bằng gỗ và gạch xây. Mái của chánh điện được nối liền nhau bởi nhiều loại gỗ quý được bào nhẵn, làm nên chánh điện vững chắc. Nổi bật ở chánh điện là hệ thống thờ, nơi đây còn lưu giữ 16 bức tượng bằng gỗ và đồng. Đặc biệt phải kể đến bức tượng Phật A Di Đà bằng đồng nguyên khối cao 1 mét, ở tư thế ngồi thiền, trên tòa sen toát lên vẻ cân đối, hài hòa, thể hiện sự tinh xảo. Bên cạnh đó ở chùa Tích Sơn còn có một chuông đồng được đúc từ năm 1832 và một khánh đồng cổ với nhiều giá trị cao.

Theo hành trình du lịch Việt Nam, có thể du khách sẽ thấy các chùa chiền ít nhiều đều có xuất hiện nghệ thuật điêu khắc, riêng ở Chùa Tích Sơn thì không. Có chăng, ở các bức chạm nơi hậu cung có hình tam giác, chạm nổi hình rồng vờn mây. Bên cạnh đó cũng có một bức chạm khác hình rồng và nhiều hoa lá khá tinh tế. Hình ảnh rồng cuộn tạo nên không khí trang nghiêm, uy nghi ở ngôi chùa này. Chùa Tích Sơn hiện nay còn là nơi của nhiều tăng ni, Phật tử học tập

và nơi của người dân hành hương, và nơi này còn là nơi hằng năm diễn ra các lễ hội lớn thu hút nhiều du khách từ thập phương. Hiện nay, chùa đang được đầu tư mở rộng khuôn viên nhằm đáp ứng nhu cầu tâm linh của người dân và nhu cầu thưởng ngoạn ngày càng đông của du khách đến tham quan du lịch Vĩnh Phúc.

Nằm cách thủ đô Hà Nội khoảng 65km về phía Tây Bắc, khu du lịch Tây Thiên là một quần thể văn hóa du lịch tổng hợp tọa lạc trong lòng chảo rừng nguyên sinh Tam Đảo, tại trung sơn điểm giữa các huyết mạch quốc gia gồm đền Hùng của nhà nước Văn Lang thời các vua Hùng dựng nước, Hoa Lư của cố đô nước Đại Việt, núi Tản – sông Đà, các trụ xứ phật giáo thâm uy như chùa Hương, Yên Tử; tất cả tạo nên một thể phong thủy vững chãi dựa vào mạch núi thiêng tỏa ra đồng bằng rộng mở và tràn xuống phương Nam, hướng về biển lớn.

Không chỉ hút hồn với phong cảnh hữu tình, Tây Thiên bây giờ còn được biết đến như một miền đất địa linh, nơi giao hòa giữa đạo Phật và tín ngưỡng thờ Mẫu của dân tộc. Một vùng mây núi linh thiêng, một không gian thanh tịnh của chùa chiền là nơi du khách gần xa luôn muốn tìm về. Nổi bật là ngôi đền thờ Quốc Mẫu Tây Thiên Lăng Thị Tiêu cùng nhiều ngôi chùa cổ như Phong Châu, Thiên Ân, Đồng Cổ, Tây Thiên, đền Thượng... đem đến cho du khách cảm giác an lạc, thoải mái và hạnh phúc. Từ khi được xếp hạng di tích danh thắng quốc gia năm 1991, nơi đây được trùng tu, tôn tạo ngày một khang trang, kết nối nhiều công trình đền chùa, bảo tháp, sân trung tâm lễ hội bằng hệ thống giao thông nội bộ và cáp treo, tạo điều kiện cho du khách gần xa về tham quan chiêm bái thuận tiện.

Một điểm đến nổi bật khác không thể bỏ qua ở khu du lịch văn hóa tâm linh này là Thiền viện Trúc Lâm Tây Thiên. Được xây dựng trên nền của Thiên Ân cổ tự, Thiền viện Trúc Lâm Tây Thiên là một trong ba thiền viện lớn nhất nước ta hiện nay. Với kiến trúc độc đáo, tọa lạc trên đỉnh một ngọn núi thiêng, Thiền viện luôn thu hút rất đông du khách, phật tử khắp nơi tìm về để được thả hồn trong không gian trong lành mát mẻ với những đồi thông cao vút, những vườn hoa đang khoe sắc giữa lưng chừng mây. Không chỉ có nhiều danh thắng đẹp, Tây Thiên mang trong mình 3 giá trị đặc trưng nhất đó là giá trị văn hoá lịch sử, ý nghĩa tâm linh, cảnh quan thiên nhiên. Lên Tây Thiên vào mỗi mùa sẽ có điều thú vị khác nhau, du khách thường đi vào đầu năm cầu may, tài lộc. Du khách đến hè tham dự sám hối ở Thiền viện Trúc Lâm, tận hưởng không khí trong lành mát mẻ. Khu du lịch Tây Thiên cổ là trung tâm phật giáo và tín ngưỡng thờ mẫu xa xưa với nhiều di tích có giá trị tâm linh và cảnh quan.

Bên bờ sông Lô xưa có một ấp nhỏ nhưng quanh năm buôn bán sầm uất tên gọi làng Gốm (nay thuộc xã Sơn Đông, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc). Về sau làng ấy được đổi tên thành “Quan Tử” do có nhiều người đỗ đại khoa, ra làm quan phụng sự triều đình.

Chỉ tính đại khoa, Quan Tử đã có tới 12 người. Đây cũng chính là nơi sinh thành của Tả tướng quốc Trần Nguyên Hãn, cũng là nơi cư trú và dạy học trong nhiều năm của thầy giáo Đỗ Khắc Chung, một bậc Nho học thời Trần.

Đền Quan Tử

Khởi nguồn khoa bảng từ thời Lê Sơ nên đến thời Lê Trung Hưng thì số cử nhân, tú tài của Quan Tử đã rất nhiều, trở thành một làng khoa bảng nổi tiếng nước ta. Điều đặc biệt hơn, ngôi làng khoa bảng này đã suy tôn thầy giáo Đỗ Khắc Chung làm Thành hoàng làng, lập miếu thờ vào năm Cảnh Tự thứ 3 (1665). Do thầy giáo Đỗ Khắc Chung có công lao to lớn trong việc khuyến học, đào tạo nhân tài ở các địa phương. Làng Quan Tử là một minh chứng rõ ràng về truyền thống hiếu học và khoa bảng mà Đỗ Khắc Chung là người “gieo mầm”.

Theo các cao niên Quan Tử, trước đây vào mỗi kỳ thi hương, sĩ tử của làng thường hay làm lễ “cầu khoa” ở ngôi miếu này. Hiện nay, miếu đã được trùng tu, tôn tạo thành đền, gọi là Đền Quan Tử hay Đền thờ Đỗ Khắc Chung. Cho đến hiện nay, làng Quan Tử nói chung và đền Quan Tử nói riêng vẫn là một điểm đến mang ý nghĩa tâm linh đặc biệt, một biểu tượng của trí tuệ và tinh thần hiếu học, đặc biệt, đây là địa điểm thu hút các sĩ tử để cầu đỗ đạt, thành tài mỗi mùa thi cử.

Với tuổi thọ hơn 300 năm, đền đá Phú Đa là một trong những di tích lịch sử lâu đời nhất tỉnh Vĩnh Phúc. Trải qua nhiều giai đoạn dài và có nhiều biến cố, nhưng ngôi đền vẫn chứa đựng nhiều giá trị lịch sử, giữ được những nét kiến trúc độc đáo, đậm chất văn hóa Việt cổ. Ngôi đền nằm tại xã Phú Đa – Vĩnh Tường – Vĩnh Phúc. Bao quanh ngôi đền 3 mặt là hồ nước mênh mông. Đền được xây dựng ngay sát chân đê, giữa vùng trũng nước. Trong lịch sử, thậm chí nơi này đã từng xảy ra lũ lụt, nhưng ngôi đền vẫn đứng vững trước thiên tai.

Đền Phú Đa vốn là một ngôi tư gia, biệt phủ và đảm nhiệm chức năng một ngôi sinh từ (lập đền thờ khi còn đang sống) của Lãng Phương Hầu Nguyễn Danh Thường, thế kỷ XVIII. Theo sử sách, Nguyễn Danh Thường xuất thân từ một gia đình nông dân nghèo, nhờ dung mạo khôi ngô, thông minh, có tư chất hơn người từ nhỏ, cậu bé Thường đã được một vị quan Thượng thư nhận về làm con nuôi. Khi trưởng thành, cậu được đưa về kinh thành Thăng Long học văn, võ và thi đỗ đạt được Triều đình Lê – Trịnh cử đi dẹp các cuộc khởi nghĩa nông dân. Nguyễn Danh Thường đã trấn áp thành công các cuộc khởi nghĩa, lập nhiều công trạng. Ông được phong là Lãng Phương Hầu, tham mưu quân Đô đốc phủ, Khâm sai kiểm sát thất thành, trấn thủ cả một vùng rộng lớn từ Sơn Tây đến Thái Nguyên.

Theo các cụ trong làng kể lại, ngôi đền được xây dựng trong 40 năm, từ năm 1646 đến năm 1686, cách đây gần 400 năm, khi đó cụ Nguyễn Danh Thường còn sống và đang làm quan trong triều Lê. Ngôi đền chỉ trải qua vài lần tu sửa nhỏ. Điều đó cho thấy độ bền của các chất liệu, vật liệu để xây dựng nên ngôi đền. Người dân địa phương còn có câu so sánh, ví von rằng: "Bất đền ra đền Phú Đa. Bao giờ đền đổ ta ra ta đền". Với dụng ý, ngôi đền rất chắc chắn, bền vững. Trải qua mấy thế kỷ, công trình vẫn minh chứng được giá trị của mình.

Với ý nghĩa lịch sử – văn hóa trên, từ bao đời nay, đền Phú Đa luôn được hậu duệ của Lãng Phương Hầu Nguyễn Danh Thường truyền đời gìn giữ, hương hỏa, để di tích lịch sử - văn hóa này mãi là nơi gắn kết cộng đồng.

Chùa Hà Tiên Vĩnh Phúc còn có tên gọi khác là "chùa cầu mưa". Trước đây, vùng này thường xuyên xảy ra hạn hán khiến đất đai cằn cỗi, cây cối khô héo. Những người sống dựa vào nông

nghiệp lâm vào cảnh đói khát và phải bỏ làng đi kiếm ăn. Chứng kiến tận mắt những khổ nạn này, sư trụ trì chùa lúc bấy giờ là sư Tịnh Huân đã lập đàn tế tự để cầu mưa. Theo đó, sư Tịnh Huân đã phát nguyện tự thiêu để cầu mưa cho dân chúng vào ngày 30 tháng 5 âm lịch. Người dân trong vùng tránh được hạn hán, mùa màng tươi tốt, cuộc sống ấm no quanh năm. Ghi nhận công lao của vị chân sư, nhân dân đã xây dựng ngôi chùa ba tầng để lưu giữ tro cốt của ông.

Chùa Hà Tiên còn được biết đến là ngôi chùa cầu may "đi thì lẻ loi, về thì có đôi". Đầu xuân, chùa thường thu hút khách thập phương đến cầu bình an, sức khỏe và đặc biệt là cầu tình duyên. Ai còn neo đơn thì đến chùa Hà Tiên cầu với Quốc Mẫu cho được kết duyên lành. Nhiều cặp đôi đã nên duyên vợ chồng sau khi lên chùa cầu duyên. Ngoài ra, chùa còn nổi tiếng với giếng Ngọc (giếng Hạ). Nước giếng chùa Hà Tiên nổi tiếng linh thiêng và kỳ diệu, uống một ngụm nước giếng trong lành, mát lạnh khiến cơ thể khỏe khoắn hơn, tinh thần phấn chấn hơn. Giếng Ngọc ở chùa Hà Tiên có tiếng "trong xanh, mạch nước huyền ảo" nên người xưa vẫn lưu truyền câu ví von: "'Dù ai xấu như ma/Uống nước chùa Hà đẹp như tiên". Hàng năm, vào những ngày lễ lớn, du khách thập phương đến chùa lễ Phật và xin nước ở giếng Ngọc mang về thắp hương uống.

Chùa tọa lạc trên đồi Hà thuộc thôn Gia Viễn, xã Định Trung, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc. Là một trong những ngôi chùa cổ được nhân dân trong vùng coi là một danh lam cổ tự. Chùa nằm ngay trên quốc lộ 2B từ thành phố Vĩnh Yên lên khu du lịch Tam Đảo. Một vị trí được coi là thế đất quý về mặt phong thủy. Chùa không chỉ là nơi thờ Phật mà còn thờ mẹ Tây Thiên. Chùa Hà Tiên được thành lập vào năm Quý Mùi (1703), niên hiệu Chính Hòa thứ 24, đời vua Lê Hy Tông Duy Hiệp.

Khu di tích lịch sử chùa Hà Tiên từng là một trong những trung tâm Phật giáo lớn của thời Lý Trần với công viên cây xanh rộng 6,2ha. Chùa là nơi thờ Phật, nơi truyền bá kiến thức Phật pháp cho các thế hệ tăng ni, cư sĩ qua hàng chục, hàng trăm năm và cũng là nơi thờ thánh mẫu Lăng Thị Tiêu. Tương truyền, do chùa tọa lạc ở thế "sơn chỉ, thủy giao" nên hai bên đều phải sở hữu gò đất lớn án ngữ tựa hình thanh long, bạch hổ. Khi đất nước có giặc ngoại xâm, bà Lăng Thị Tiêu trên đường đi hợp quân với Hùng Vương thứ 7 đi đánh giặc thấy đất lạ nên đã dừng chân tại đây chiêu binh mãi mã. Về sau, bà được phong là Quốc Mẫu Tây Thiên, để tưởng nhớ bà, người dân lập bàn thờ Quốc Mẫu tại đền, gọi là Thánh Đại Vương. Chùa Hà Tiên biến thành một địa chỉ đặc biệt khi vừa là nơi thờ Phật dạy, vừa là địa chỉ thờ Quốc Mẫu.

Những ngày đầu Tết Nguyên Đán, chùa đón một lượng lớn khách du lịch từ khắp nơi trong và ngoài tỉnh đến hành hương, hành lễ, viếng chùa và cầu những điều tốt lành cho cả năm. Điều tuyệt vời là dù đông du khách nhưng mọi hoạt động đều diễn ra trong không khí trang nghiêm, thành kính, trật tự và ngăn nắp. Ngoài ra, thời điểm lý tưởng nhất để đến thăm chùa là từ tháng 11 đến tháng 4, đây cũng là mùa khô hàng năm. Thời tiết khô ráo nên có thể đến tham quan nhiều địa điểm du lịch tại địa điểm tâm linh thú vị này. Tháng 5 đến tháng 10 là mùa mưa ở Vĩnh Phúc. Tuy nhiên, thời tiết không phải lúc nào cũng mưa.

Lễ chùa là dịp để người dân văn cảnh, tìm lại sự tĩnh tâm sau những bộn bề của cuộc sống thường nhật. Tuy nhiên, khi chuẩn bị đi chùa, hay sắm sửa lễ vật đi chùa, bạn cần nắm rõ những nội quy cơ bản của chùa: đến dâng hương tại chùa chỉ được mua đồ lễ chay: hương, hoa tươi, quả chín, phẩm vật, xôi, chè... chứ không thể mua lễ mặn như tam sinh (trâu, dê, lợn), mồi, thịt gà, chả giò, chả giò... Không mua vàng mã, tiền của âm phủ để cúng Phật ở chùa. Tiền thật không nên đặt trên bàn thờ chính điện mà nên bỏ vào hòm công đức. Hoa tươi lễ Phật là hoa sen, hoa mẫu đơn, hoa huệ, hoa dạ yến thảo... không dùng hoa bách hợp, hoa đại...

Chùa Hoa Dương là ngôi chùa của tổng Xuân Lộ xưa nên còn gọi là chùa Xuân Lộ, nay thuộc thôn Thượng, xã Xuân Chính, cách huyện lỵ huyện Vĩnh Tường khoảng 2km về phía Tây.

Chùa Hoa Dương được xây dựng thời Hậu Lê, năm 1680, còn lại cho đến ngày nay là một di tích có kiến trúc khá đồ sộ, nguy nga, mặt bằng hình chữ "công" gồm 3 toà chính: Tiền đường (7 gian), thượng điện (4 gian) và nhà tổ (5 gian), tổng diện tích 262m² cùng 2 nhà hành lang gồm 20 gian với diện tích 196m², phía trước sân còn cây Bồ Đề cổ thụ trăm năm tuổi và các loài cây Đại, Ngâu, Lan, Sấu, tạo nên không khí thâm nghiêm, u tịch nơi cửa thiền. Kết cấu bộ vì theo kiểu thức "chồng rường giá chiêng", hệ thống cột chịu lực đều bằng gỗ lim to, chu vi cột 1.5m và đều được kê trên chân đá tảng vuông, to mỗi chiều 75cm để chống mối và chống ẩm.

Giá trị nổi bật của chùa Hoa Dương là nghệ thuật điêu khắc, được biểu hiện ở hệ thống tượng tròn và các tác phẩm điêu khắc gỗ (y môn, tranh kệ, hoành phi, câu đối). Đó là các lớp tượng cơ bản, đại diện chung cho hệ thống tượng được bài trí trong một ngôi chùa thờ phật theo phái Đại thừa ở miền Bắc Việt Nam, gồm các lớp: Bộ tượng Tam thế phật, Di Đà tam tôn phật, Thích ca cửu long, tứ Bồ tát, tứ Thiên vương, tượng Đức ông, Thánh hiền, Hộ pháp phật và tượng phật Tổ. Tất cả các pho tượng phật đều được tạo từ gỗ mít già, nguyên lõi, kỹ thuật công phu, tỉ mỉ, nghệ thuật sáng tạo, điêu luyện, thể hiện khả năng tư duy thẩm mỹ nghệ thuật cao và hoà nhuyễn trong nhận thức giá trị tuyệt đối "không" của phật pháp. Giá trị chân, thiện, mỹ của đạo phật bắt nguồn từ những chân lý giản đơn của cuộc sống thường nhật qua hàng nghìn năm tu luyện, bồi dưỡng, lưu truyền đã trở thành một bộ phận cơ bản của tâm hồn Việt Nam, tâm hồn nghệ sỹ khi thổi hồn cho các pho tượng hoặc từ gỗ, đá, hay đất mà trở nên lung linh, huyền ảo nhưng rất thực trước mắt người khi bước chân vào chùa chiêm bái phật.

Các tác phẩm điêu khắc gỗ có: 8 bức y môn (biển hoành) đều chung kích thước (dài 3m rộng 0.6m) được chạm nổi, sơn son thếp vàng các đề tài thiên nhiên: Hoa lá, vân mây, cổ thụ, chim muông vô cùng gần gũi, tự nhiên và sống động, chính giữa đục các "đại tự" mang ý nghĩa tụng ca, răn dạy, đan xen giữa phật pháp và triết lý Nho học. 8 bức "tranh Kệ" khắc các bài kệ bằng chữ Hán với nội dung về phong cảnh thiên nhiên và những đề tài liên quan đến việc hoằng dương phật pháp, là những thi ca tuyệt hảo lồng trong tác phẩm điêu khắc tài ba, trên nền của kỹ thuật chạm khắc, trang trí phóng khoáng, bố cục hài hoà, sơn thếp đẹp, xứng đáng là di sản cho muôn đời hậu thế chiêm ngưỡng và ngẫm suy. 8 bộ hoành phi, câu đối sơn son thếp vàng, câu chữ chuẩn chỉnh, ngay ngắn, ý tứ sâu xa, ngữ nghĩa bao trùm, chân tâm, chân thiện. Cùng với các di vật cổ: Chuông đồng, cây hương, bia đá, đồng thời là những tư liệu văn tự cổ trên đá

lưu mãi để muôn đời hậu thế, thập phương du khách, tăng ni phật tử tìm cơ hội đến chiêm bái nơi cảnh thiên ăn lặng dấu quê.

Đình Đông Đạo, thuộc phường Đồng Tâm, TP. Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc được xây dựng năm Nhâm Thân (1572), đời vua Lê Anh Tông, thờ Bạch Hạc Cao Quan Đại Vương, người có công lớn hộ quốc, giúp dân. Đình là di tích lịch sử và kiến trúc nghệ thuật được xếp hạng cấp quốc gia năm 1994. Đình Đông Đạo nằm trên khu đất cao và bằng phẳng hướng về phía Nam bốn mùa đón gió, không gian xung quanh thoáng đãng đẹp mắt. Phía trước đình có sân rộng được trồng cây cảnh cổ thụ và có tường xây che chắn.

Điểm đặc biệt khiến đình Đông Đạo xứng danh là di tích có kiến trúc nghệ thuật, là tất cả các kẻ truyền đều được đục chạm tạo dáng đẹp, giàu giá trị nghệ thuật và thẩm mỹ. Với hàng chục bức kẻ truyền, bố trí ở bốn bề không để trơn, mà được đục chạm trang trí cầu kỳ hoa văn hình rồng, hoa lá cách điệu, vân mây... Từng bức chạm được bố trí một cách hợp lý, đúng chỗ cần thiết. Chạm trổ đẹp, cầu kỳ nhưng không lắt nhắt, đa dạng nhưng có sự chọn lọc nội dung phù hợp với kiến trúc khiến cho kiến trúc đã khỏe lại đẹp. Tuy có vẻ đồ sộ nhưng không nặng nề, lại như cao rộng thêm ra.

Kiến trúc đình Đông Đạo hết sức công phu tỉ mỉ. Nghệ thuật kiến trúc và chạm khắc đình Đông Đạo là kiến trúc và chạm khắc ăn nhập với nhau một cách hài hòa, bổ sung hỗ trợ cho nhau. Kết cấu kiến trúc của đình có tổng số cột trong toàn đình là 44 chiếc (8 cột cái, 36 cột nhỏ) xếp thành 6 hàng kê trên các tảng đá chống ải. Vật liệu làm đình là các loại gỗ tốt được gia cố cẩn thận mực thối, mộng mộng chặt chẽ nên trải qua hàng trăm năm đình vẫn bền vững. Tọa lạc trên diện tích đất rộng rãi, đình Đông Đạo bố trí 5 cửa ra vào ứng với 5 gian cũng rộng rãi và thông thoáng. Mặt khác các cột, xà đều phải to khỏe (cột cái cao 4m6 chu vi 1m5, cột quân cao 3m6 chu vi 1m4). Đặc biệt do có thêm 2 dĩ nên 4 góc đình có 4 kèo xô từ góc vuông ăn chéo lên cột trốn trên xà đuôi tạo cho mái đình xòe rộng ra. Mái đình hình rồng cuộn mang tạo vẻ uy nghi cổ kính, kiểu chính của đình phục cho ngày lễ được trang trí sơn son, thiếp vàng 9 đạo sắc phong được phục dựng và lưu giữ cẩn thận trong đình.

Là công trình kiến trúc đạt đến đỉnh cao về nghệ thuật điêu khắc gỗ cổ dân gian, trong thời gian tới đình Hương Canh không chỉ giới hạn ở sự quan tâm nghiên cứu của giới khoa học, mà còn là địa chỉ đỏ trong những chuyến hành hương tham quan thưởng ngoạn của du khách gần xa. Di tích kiến trúc nghệ thuật cụm đình Hương Canh, thị trấn Hương Canh, huyện Bình Xuyên vừa được công nhận là di tích quốc gia đặc biệt theo Quyết định số 1649 của Thủ tướng Chính phủ.

Cụm di tích đình Hương Canh gồm đình Hương Canh, đình Tiên Canh và đình Ngọc Canh. Đó là 3 ngôi đình cổ tiêu biểu của nghệ thuật kiến trúc đình làng Bắc Bộ được xây dựng vào khoảng thế kỷ XVII, XVIII. Cả 3 ngôi đình đều thờ 6 vị Thành hoàng làng là vua Ngô Xương Ngập, vua Ngô Xương Văn, tướng Đỗ Cảnh Thạc cùng 3 vị thánh mẫu là Linh Quang Thái hậu, Khả Lã Nương Nương và Thị Tùng Phu Nhân.

Nghệ thuật kiến trúc của cụm đình Hương Canh đạt đến đỉnh cao về nghệ thuật điêu khắc gỗ

cổ dân gian với kỹ thuật chạm trổ tinh vi, điêu luyện, phác họa bức tranh đời sống sinh hoạt của người dân trong xã hội phong kiến xưa.

Nằm ở vị trí giữa làng, gần 300 năm nay đình Hương Canh vẫn đứng đó như thách thức với nắng mưa, như khoe với thiên nhiên cỏ cây về bộ mái đồ sộ xinh duyên của mình. Lợp bằng ngói mũi hài, mái đình được các hiệp thợ ngoã Hương Canh xếp đặt theo kiểu "đóng óc vẩy rồng" rất chặt chẽ, phẳng đẹp. Bờ nóc được đắp thẳng ke, hai đầu cong lên, các đầu đao cũng vút lên tương tự, toàn bộ mái đình trông như một cánh điều khổng lồ. Nhờ vậy mà đình Hương Canh trông toàn cảnh rất đồ sộ nhưng không nặng nề, to cao mà duyên dáng, không kém phần mềm mại, uyển chuyển.

Xưa kia, đình Hương Canh có 3 toà kiến trúc bố cục theo kiểu chữ "vương", năm 1964 trong khi tu sửa đã dỡ đi toà cuối cùng, nay còn toà tiền tế và đại đình. Tiền tế đình Hương Canh gồm 3 gian, mái được làm kiểu 2 tầng 8 mái, toà đại đình 5 gian 2 dĩ, dài 26m, rộng 1350m, 4 mái. Để chống đỡ bộ mái nặng hàng chục tấn ấy, các nhà thiết kế thời bấy giờ đã tạo ra cho đình một bộ khung rất chắc chắn. Riêng toà đại đình với 6 hàng chân – 48 cột gỗ tốt, đại khoa, cột cái có chu vi 2.40m, cao 6m; cột con chu vi 1.80m, cao 4m. Sự tài tình của người thợ ở đây là ngoài việc mộng sàm chặt khít, còn phải tính toán chính xác để phân phối lực đều cho toàn đình, từ đó tạo cho đình một thể cân bằng (nếu không thì đình sẽ bị lật đổ theo kiểu "nặng bồng nhẹ téch"). Mỗi bộ phận cấu tạo nên đình đều chịu một lực nhất định tương xứng với chức năng của nó. Các xà ngang dọc giằng co với nhau, thu hút lực đưa về ngọn cột để cột chịu lực là chính. Ngày nay, cụm đình Hương Canh là trung tâm sinh hoạt tín ngưỡng, nơi tổ chức lễ hội cùng các trò diễn dân gian địa phương. Hằng năm, dân làng thường tổ chức lễ hội để tưởng nhớ công đức to lớn của các vị Thành hoàng làng.

Cách đình Hương Canh chừng 200m, được khởi dựng thời Hậu Lê (thế kỷ XVII), đình Ngọc Canh có kiểu thức kiến trúc tương tự đình Hương Canh, rất đồ sộ, cột lớn kết cấu vững chãi. Hiện đình còn nguyên 3 toà kiến trúc bố cục như hình chữ "vương", tiền tế 5 gian dài 20m, rộng 7.10m; đại đình 5 gian 2 dĩ dài 24m, rộng 15.50m; hậu cung 5 gian dài 10m, rộng 7.30m. Cùng với đình Hương Canh và Tiên Hường, Đình Ngọc Canh tạo thành cụm di tích đình Tam Canh độc đáo về mỹ thuật kiến trúc gỗ cổ dân gian hiếm thấy của xứ Đoài và vùng đồng bằng – trung du Bắc bộ.

Về nghệ thuật chạm khắc, đình Ngọc Canh cũng có những bức chạm giống đình Hương Canh như: "đấu vật", "bơi chải", "đi săn về" hay những hình rồng phượng, con giống... Tuy nhiên nội dung và nghệ thuật chạm trổ ở đây có những điểm khác với đình Hương Canh. Nếu như ở đình Hương Canh tả nhiều về ngày hội làng, những trò chơi đông người tạo nên không khí vui nhộn thì ở đình Ngọc Canh lại thiên về tả cảnh lao động, những thú vui hàng ngày trong nông thôn. Nếu chạm trổ ở đình Hương Canh đẹp trong không khí nhộn nhịp vui tươi thì chạm trổ ở đình Ngọc Canh đẹp trong không gian trầm lắng, suy tư liên tưởng trước thực tế cuộc sống của nhân dân ta nửa cuối thế kỷ XVII, như các bức chạm: "dựng cột buồm", "uống rượu", "chơi cờ", "đến hát nhà quan". Với lối bố cục chặt chẽ, hài hoà, đường nét phóng khoáng tự do, chú ý khắc họa từng chi tiết thể hiện rõ tình cảm, cá tính của từng nhân vật trong bức chạm để rồi có

một tác phẩm hoàn hảo, mang nội dung tư tưởng sâu sắc, thể hiện cao độ đề tài định trước. Đó là những thành công nổi bật trong chạm gỗ ở đình Ngọc Canh.

Đình Ngọc Canh, cũng như Hương Canh, Tiên Hường, mỗi đình thuộc một làng, cùng thờ chung 6 vị thành hoàng: Thiên Sách Vương Ngô Xương Ngập – con trai cả của Ngô Quyền, Nam Tấn Vương Ngô Xương Vănn – con thứ của Ngô Quyền, Linh Quang Thái Hậu Dương Thị Như Ngọc – vợ Ngô Quyền, A Lữ nương nương Dương Phương Lan – vợ thứ Ngô Quyền, Thị Tùng phu nhân Phạm Thị Uy Duyên – vợ Thiên Sách Vương Ngô Xương Ngập, Đông Ngạc đại thần Đỗ Cảnh Thạc – tướng và là cháu ngoại Ngô Quyền.

Không gian tại đây sẽ rất phù hợp để tĩnh tâm, tạm rời xa sự xô bồ của cuộc sống tận hưởng sự an yên và nghệ thuật chạm gỗ tinh tế.

Đình Hương Canh, đình Ngọc Canh và đình Tiên Hường (Tiên Canh) là ba ngôi đình nổi tiếng xứ Đoài (phía Tây Bắc kinh thành Thăng Long, gồm phần lớn địa bàn các tỉnh Vĩnh Phúc, phía Bắc tỉnh Phú Thọ, một phần tỉnh Tuyên Quang và Tây Bắc thành phố Hà Nội ngày nay).

Đình Tiên Hường có bố cục hướng Tây Nam, ra phía sông Hồng, nằm tại phía Tây Nam của đình Hương Canh, cách khoảng 450m. Phía Tây của đình là một ao rộng. Đình được dựng vào năm 1776. Năm 1799 được trùng tu, xây mới tòa Tiền đường và Trung đường. Đình có mặt bằng tương tự như đình Hương Canh và đình Ngọc Canh, bao gồm các hạng mục công trình: Nghi môn, Sân đình và Đại đình

Tại đây có vô số các chạm khắc từ các loài linh vật như: Long, ly, quy, phụng, đến các loài vật gần gũi với người như mèo, rắn...Rồng là linh vật được chạm khắc nhiều với hình tượng như: "Đầu rồng", "Ổ rồng", "Long cuốn thủy", "Tứ linh quần tụ", "Rồng cuốn cột", "Cá hóa rồng"...

Ngoài ra, đình Tiên Hường còn lưu giữ được nhiều di vật cổ có giá trị như: sắc phong (từ thời Hậu Lê đến cuối thời Nguyễn), đại tự, án thư, lư hương, hoành phi, sắc phong, kiệu thờ, cửa võng...

Cụm đình Tam Canh: đình Hương Canh, đình Ngọc Canh và đình Tiên Hường, Bình Xuyên, Vĩnh Phúc tại thị trấn Hương Canh, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc là một trong số các ngôi đình tiêu biểu của nghệ thuật kiến trúc đình làng Bắc bộ (thế kỷ thứ XVIII, XIX) tại tỉnh Vĩnh Phúc.

Thị trấn Thanh Lãng (huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc) là một trong những "tiểu vùng văn hóa" có truyền thống lâu đời ở khu vực phía Nam đồng bằng tỉnh Vĩnh Phúc, không chỉ nổi tiếng quanh vùng bởi có nghề mộc truyền thống với tuổi đời hàng trăm năm mà nơi đây còn có di tích lịch sử cấp quốc gia được nhiều du khách thập phương biết đến, đó là đền thờ Thánh Mẫu.

Tín ngưỡng thờ Mẫu được hình thành rất sớm trong phong tục tập quán truyền thống của người dân Việt Nam. Từ thuở bình minh dựng nước cách đây mấy nghìn năm đến thời hiện đại, cùng với tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, thờ Mẫu chiếm một vị trí đặc biệt trong tâm thức của dân tộc Việt. Tại các chùa ở Việt Nam, từ xưa đến nay, ngoài chính điện thờ Phật, bao giờ cũng có

ban thờ Mẫu và thờ các mẫu trong đạo Mẫu. Đặc biệt, Vĩnh Phúc từng là địa phương duy nhất được thờ cả 3 Mẫu đặc trưng trong đạo mẫu Việt Nam, đó là Quốc Mẫu, Vương Mẫu và Thánh Mẫu. Quốc Mẫu được thờ tại Tây Thiên – Tam Đảo; Vương Mẫu được thờ tại đền thờ Hai Bà Trưng – Mê Linh (huyện Mê Linh trước năm 1998 thuộc tỉnh Vĩnh Phúc, nay thuộc TP Hà Nội), Thánh Mẫu được thờ tại Thanh Lãng – Bình Xuyên.

Hiện nay, đền còn lưu giữ cuốn ngọc phả về "Sự tích đức Thánh Mẫu và 5 vị Đại Vương". Theo ngọc phả ghi lại, Thánh Mẫu sinh ra 5 người con, được nuôi dưỡng lớn khôn và trở thành những người phò tá, những vị tướng quân tài ba giúp Hai Bà Trưng đánh tan quân Hán, đòi lại 64 thành trì, cứu dân ta khỏi ách đô hộ. Do lập được nhiều chiến công hiển hách nên cả 5 vị đều được Hai Bà Trưng ban thưởng, phong chức tước, trở thành 5 vị Đại Vương. Sau khi Thánh Mẫu mất tại chùa vào ngày 10 tháng 11 âm lịch, đã được nhân dân địa phương mai táng tại khu Minh Lương, thị trấn Thanh Lãng. Trải qua chiến tranh và những biến động của thời gian, đến nay, khu đền Thánh Mẫu vẫn được người dân bảo vệ chu đáo. Các di vật quý như các sắc phong, bàn thờ, đèn kiệu và các đồ tế khí... được giữ gìn toàn vẹn cho đến ngày nay. Hằng năm, vào ngày 10-11 âm lịch, người dân Thanh Lãng từng bừng mở hội làng truyền thống tưởng nhớ các bậc tướng quân thuở xưa có công đánh giặc giữ nước. Ngoài nghi lễ rước kiệu truyền thống, người dân náo nức đua nhau đi xem hội với các trò vui như: Vật cổ truyền, đánh cờ người...

Với tấm lòng thành kính, ghi nhớ công ơn các bậc tiền nhân, chính quyền địa phương đã phát động các hộ dân và các nhà hảo tâm tham gia đóng góp xây dựng bia tưởng niệm 5 vị Đại Vương. Ngày 11 tháng 5 năm 2017, Ban quản lý di tích lịch sử đền Thánh Mẫu, thị trấn Thanh Lãng đã làm lễ khởi công xây dựng bia tưởng niệm ngũ vị Đại Vương. Đền Thánh Mẫu, công trình bia tưởng niệm 5 vị Đại Vương không chỉ góp phần tôn lên vẻ đẹp không gian, cảnh quan cho ngôi chùa là di tích cấp quốc gia mà còn góp phần giáo dục truyền thống "Uống nước nhớ nguồn", giúp thế hệ hôm nay và mai sau luôn trân trọng tri ân công lao dựng nước và giữ nước của tổ tiên và ông cha ta.

Đình được tạo dựng từ thế kỷ XVII, trải qua thời gian, đến nay còn bảo lưu được tương đối nguyên vẹn phong cách kiến trúc thời Hậu Lê.

Đình thờ danh tướng Lân Hồ, có công đánh giặc Nguyên Mông ở thế kỷ XIII. Tương truyền, theo lệnh vua Trần, Lân Hồ đã dẫn quân lên vùng Gia Ninh (nay thuộc tỉnh Phú Thọ) lập phòng tuyến, bày binh bố trận, chỉ huy quân sĩ chiến đấu anh dũng, tiêu diệt nhiều sinh lực địch, bảo vệ kinh đô Thăng Long. Hiện nay suốt một dải từ Dục Mỹ – Sơn Vi (Phú Thọ) đến Vĩnh Tường – Yên Lạc (Vĩnh Phúc) có hệ thống di tích thờ Lân Hồ. ở xã Thổ Tang có Miếu Trúc, đình Thổ Tang, đình Phương Viên, trong đó đình Thổ Tang là trung tâm để tổ chức lễ hội cùng những trò diễn, hèm tục tưởng niệm về vị tướng tài Lân Hồ và cuộc kháng chiến chống giặc ngoại xâm bảo vệ đất nước của dân tộc ta thời Trần.

Đình Thổ Tang hiện còn 21 bức chạm khắc gỗ hết sức tinh tế, được thể hiện trên các thành phần kiến trúc: Thân kẻ, thân bẩy, thân rường, nội dung phong phú, khái quát về chu trình: lao

động – làm ăn – hưởng thụ của cư dân nông nghiệp, của nhân dân ta thời Lê Trung Hưng. Các bức chạm ở đây được sắp xếp thứ tự theo chu trình đó. Bước vào cửa đình thì thấy ngay bức chạm đầu tiên là "ngày hội xuống đồng" (lễ tịch điền) rồi lần lượt đến các bức "bắn thú dữ" để bảo vệ mùa màng, thôn xóm. Cảnh vui chơi giải trí có: "đá cầu", "chơi cờ", "uống rượu", "người múa". Cảnh sinh hoạt gia đình có: "trai gái tình tự", "gia đình hạnh phúc". Phê phán những thói hư tật xấu có: "đánh ghen", "vợ chồng lười". Trang trí thờ phụng gồm các bức: "cửu long tranh châu", "bát tiên quá hải" và nhiều hình rồng, phượng khác.

Đình Thổ Tang là một trong những ngôi đình đạt đến đỉnh cao về mỹ thuật điêu khắc gỗ cổ dân gian thời Hậu Lê, là di tích được xếp hạng quốc gia sớm nhất ở Vĩnh Phúc, mấy thập kỷ qua luôn thu hút sự quan tâm nghiên cứu của giới khoa học, của Nhà nước, các cấp chính quyền và nhân dân địa phương.

Chùa Tùng Vân là ngôi chùa cổ, lớn nhất khu vực huyện Vĩnh Tường (tỉnh Vĩnh Phúc). Xây dựng cách đây hơn 300 năm vào thời Lê Huy Tông, và được cấp bằng chứng nhận di tích văn hóa cấp quốc gia năm 1992. Mặc dù trải qua những thăng trầm, biến cố của các cuộc chiến tranh trong lịch sử dân tộc, rồi qua nhiều đợt tu bổ, trùng tu nhưng trong chùa vẫn giữ được nguyên vẹn khá nhiều pho tượng cổ cùng một số bảo vật vô giá. Với kiến trúc độc đáo mang đậm không gian văn hóa Việt, chùa Tùng Vân, Đình làng Thổ Tang đã và đang dần kiến tạo thành khu du lịch văn hóa tâm linh nổi tiếng lâu đời tại Việt Nam.

Chùa Tùng Vân nằm trên địa bàn thị trấn Thổ Tang là ngôi chùa cổ, lớn nhất trong khu vực huyện Vĩnh Tường, được xây dựng cách đây 329 năm vào thời vua Lê Huy Tông và cũng được ghi vào di tích văn hóa cấp quốc gia từ năm 1964 như đình Thổ Tang, được nhận bằng Di tích cấp quốc gia năm 1992. Trải qua những thăng trầm biến cố, chùa Tùng Vân đã nhiều lần được trùng tu và lần gần đây nhất là đợt khởi công tu bổ giai đoạn 1 năm 2008 – 2010. Trong chùa hiện vẫn lưu giữ nguyên vẹn nhiều bảo vật như chuông đồng, khánh đồng... và nhất là một số pho tượng bằng đất nung, bằng gỗ trong đó có pho tượng Thích Ca Mâu Ni, tượng mẫu có niên đại cách đây gần 300 năm với nghệ thuật điêu khắc đỉnh cao đáng để cho các nghệ nhân và thợ giỏi chiêm ngưỡng học hỏi.

Khác với kiến trúc của nhiều ngôi chùa trong vùng, chùa Tùng Vân được xây dựng gồm bảy gian, hai dĩ với hệ thống kết cấu nhiều hàng cột gỗ và đá. Pho tượng Đức Phật tổ thích Ca Mâu Ni từ nguyên khối xanh ngọc nặng hơn 18 tấn, cao 3.3 m, rộng 2.1 m, dày 1.2m. Khối ngọc tạc tượng quý hiếm và lớn nhất trong các khối ngọc tìm thấy tại tỉnh Yên Bái. Ngày 16 tháng 9 năm 2011 là ngày diễn ra lễ công bố kỷ lục tượng Phật ngọc nguyên khối lớn nhất tại Việt Nam. Hiện tại, chùa đang xây dựng giai đoạn 2 là phần làm cung thờ mẫu và nhà thờ tổ với quy mô hơn 3 tầng trên một diện tích rất lớn, khi hoàn thành chắc chắn sẽ góp phần to lớn vào cảnh quan tâm linh chung của chùa. Được biết chính quyền tỉnh Vĩnh Phúc và huyện Vĩnh Tường đang phê duyệt để nơi đây sẽ là khu du lịch văn hóa tâm linh nổi tiếng có pho tượng ngọc Phật lớn nhất Việt Nam và châu Á.

Biện Sơn là ngôi chùa đẹp của huyện Yên Lạc, Vĩnh Phúc, được xếp hạng di tích lịch sử cấp

Quốc gia từ năm 1996, tọa lạc trên một gò đất cao rộng khoảng 1.5 ha. Xưa kia chùa có tên là Độc Nhĩ, người dân địa phương hay gọi là Núi Biện với dáng quy xà hợp hình rất kỳ lạ. Sử sách còn ghi, vào năm Thành Thái thứ 16, chùa đã được làm với kiến trúc kiểu chữ Môn. Do biến thiên của thời gian, ngôi chùa không còn giữ được kết cấu kiến trúc cổ ban đầu mà được trùng tu, tôn tạo theo kiểu chữ Đinh, kiểu kiến trúc mang đậm phong cách triều Nguyễn gồm 2 tòa bái đường và chính điện.

Xung quanh ngôi chùa cảnh vật yên ả, hữu tình, dưới những cây cổ thụ nhiều năm tuổi bao phủ một màu xanh kỳ vĩ. Từ tỉnh lộ 303 đi vào, du khách sẽ được chiêm ngưỡng vẻ đẹp đầu tiên của ngôi chùa, đó chính là Tam quan. Tam quan được thiết kế theo kiểu trùng diên ba tầng 12 mái và được trang trí hết sức cầu kỳ, tinh xảo. Từ Tam quan có con đường nhất chính đạo gồm các bậc đá được xây theo một triền dốc thoải. Chùa được xây dựng theo thể nội công, ngoại quốc. Trong khuôn viên chùa, có hai hành lang dài nối liền nhà tiền đường ở phía trước với nhà hậu đường ở phía sau làm thành một khu hình chữ nhật bao quanh lấy nhà tiêu hương. So với các ngôi chùa khác trong vùng, chùa Biện Sơn còn bảo lưu được một hệ thống tượng pháp hơn 40 pho và còn lưu giữ được nhiều bảo khí và cổ vật có giá trị. Các pho tượng ở đây được tạo tác rất đẹp, sơn son thếp vàng lộng lẫy, chau chuốt tỉ mỉ, mang đậm phong cách tạo tác thời Lê. Một điểm nổi bật trong công trình kiến trúc Phật giáo ở chùa Biện Sơn là tòa Bảo tháp bằng đồng nguyên khối nặng 12 tấn, là một trong số Bảo tháp lớn nhất trong cả nước, lưu giữ nhiều xá lợi Phật, đặc biệt là tượng Phật Hoàng Trần Nhân Tông bằng ngọc xanh nguyên khối...

Ngoài ra, trong chùa còn có những ngôi nhà khác như nhà tổ là nơi thờ các vị sư từng trụ trì ở chùa nay đã viên tịch và nhà tăng, nơi ở của các nhà sư. Nằm ngay sau tòa thượng điện, chúng ta được chiêm ngưỡng một kiến trúc vô cùng độc đáo nữa, đó chính là tháp quay hay còn có tên gọi khác là cối kinh.

Ngày nay, chùa Biện Sơn trở thành điểm dừng chân, tham quan, nghiên cứu của đông đảo du khách trên lộ trình tìm về với cội nguồn dân tộc, là nơi diễn ra lễ hội sông Loan - núi Biện đậm đà bản sắc dân tộc, thu hút đông đảo nhân dân địa phương và du khách, Phật tử gần xa về chiêm bái, thưởng ngoạn.

Lập Thạch là một vùng đất cổ có truyền thống lịch sử, văn hoá lâu đời, có bề dày văn hiến và nhiều phong tục cổ tốt đẹp của nền văn minh lúa nước. Là một huyện gần kề với đỉnh của đồng bằng châu thổ sông Hồng, tiếp giáp với kinh đô Văn Lang thời Hùng Vương, nên các phong tục tín ngưỡng còn đậm sắc thái tinh thần của người Việt cổ. Lập Thạch có nhiều những danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, tiêu biểu là đền thờ Tả Tướng Quốc Trần Nguyên Hãn.

Đền ở thôn Đa Cai, xã Sơn Đông, huyện Lập Thạch, thờ Tả Tướng Quốc, phò Lê Lợi diệt giặc Minh giải phóng đất nước vào thế kỷ XV. Đền được xây dựng trên một thế đất bằng phẳng, rộng cao, tương truyền chính là nơi đặt Phủ đệ cũ của Trần Nguyên Hãn. Đền được cấu trúc theo kiểu chữ "Đinh", xung quanh có tường bao bọc tạo thành khuôn viên chữ "điền" vuông vắn. Các công trình xây dựng gồm 3 phần: Cổng đền, nhà tiền tế, hậu cung. Từ khi xây dựng

đến nay, đền đã được tu sửa nhiều lần và tôn tạo thêm, chủ yếu vào đời Nguyễn. Nghệ thuật kiến trúc mang phong cách thời Nguyễn: đục trơn bào nhẵn, trang trí đơn giản. Liên quan tới di tích tương truyền còn có 2 vật cổ: Một thanh Gươm và một phiến đá mài gươm.

Chuyện kể rằng: Trong thời kỳ giặc Minh thống trị nước ta, Trần Nguyên Hãn mới bước vào tuổi thanh xuân. Vì cha mẹ lên khai hoang lập trại ở địa đầu trang Sơn Đông, nên ngày ngày Trần Nguyên Hãn vẫn đi cày, đi cuốc. Trong một lần đi cày ở nương Gò Rạch, Trần Nguyên Hãn cày lên một thanh sắt dài như gươm. Đêm đêm ông đem gươm ra mài ở một hòn đá lớn bên bờ ao Sơn, vì vậy hòn đá đó có tên là đá mài gươm, hòn đá có một vết lõm trông tựa như vết chém tương truyền đó là vết chém thử gươm của Trần Nguyên Hãn. Thanh gươm được Trần Nguyên Hãn mang bên người, tình cờ được một ông chủ bè ở cửa sông Phú Hậu tặng một thanh gỗ hình chuôi gươm vớt ở dưới lòng sông, khi cắm lưỡi gươm vào thì vừa khít, thanh gươm từ đó công hiệu.

Thanh gươm huyền thoại ấy đã gắn liền với những chiến tích lẫy lừng của vị công thần khai quốc thứ nhất triều Lê. Tương truyền, về sau Tôn Thất Thuyết đã mượn thanh gươm ấy đem đi Cần Vương chống Pháp.

Còn phiến đá, sau một thời gian dài bị phù sa sông Lô lấp, ngày 12 tháng 1 năm 1998 nhân dân thôn Đa Cai tìm thấy ở độ sâu 2m nghiêng về phía ao sen, chiều dài khoảng 2.49m, chiều rộng khoảng 1.6m, bề dày khoảng 0.4m và nặng khoảng 2 tấn. Phiến đá cổ tích này được chính quyền và nhân dân xã Sơn Đông trực vớt lên, chuyển về đặt trong khuôn viên đền thờ Tả Tướng Quốc để mọi người cùng chiêm ngưỡng dấu tích còn lại của người anh hùng thừa trước.

Đình Đình Chu là nơi thờ vọng Đột Ngột Cao Sơn, Cổ Việt Hùng Thị, Thập Bát Thế Thánh Vương và các đạo sắc phong năm Minh Mệnh thứ 2 có ghi "Phụng sự Thánh Tổ Hùng Vương". Được Bộ VH-TT&DL xếp hạng Di tích lịch sử cấp quốc gia vào năm 1996, đình Đình Chu được coi là "báu vật" của Vĩnh Phúc nói riêng và Bắc Bộ nói chung. Bởi lẽ, nơi đây còn lưu giữ những nét kiến trúc đậm chất của vùng đồng bằng Bắc Bộ.

Đình được khởi công xây dựng năm Gia Long thứ 2 (1803) và trùng tu vào năm Thiệu Trị thứ 6 (1846). Đây được coi là ngôi đình bề thế, còn gìn giữ được lối kiến trúc độc đáo của vùng đất Bắc Bộ với trụ cột, kèo, xà ngang xà dọc... đều được chế tác bằng gỗ nguyên khối và trạm trổ công phu. Đình có kiến trúc hình chữ Đinh (丁), gồm tòa Đại Đình to lớn, rộng 13.2m, dài 23.2m với 5 gian 2 dĩ với 48 cột lớn nhỏ. Cột cái có đường kính 0.5~0.6 m. Bốn mặt không xây mà để thoáng, chỉ xây trụ gạch ở bảy góc theo phong cách đình xứ Đoài. Hậu cung có hình vuông dài rộng 8.2m, mang hình dáng một tòa gác hai tầng tám mái rất cân đối và thanh thoát được xây kín, phía trên gác là thượng ban thờ thành hoàng.

Tại gian thờ chính trong đình có bức hoành phi đời Nguyễn với 4 đại tự "NAM THIÊN TRIỆU THỦY" nghĩa là "Khởi dựng trời Nam" được sơn son thếp vàng chế tác năm Bảo Đại – Nhâm Ngọ (1942).

Nghệ thuật điêu khắc của đình là sự kết hợp của nghệ thuật đời Lê-Nguyễn, cũng bởi đình được xây những năm đầu tiên của đời Nguyễn nên còn chịu nhiều ảnh hưởng của những nét độc đáo tinh xảo của điêu khắc thời Lê Trung Hưng (1533–1789). Ngoài ra, đình còn lưu giữ nhiều hiện vật có giá trị như: một cuốn ngọc phả viết bằng chữ Hán, sắc phong vào năm Gia Long nhị niên (1803), các sắc phong triều đại Tự Đức, Minh Mạng, Thiệu Trị; ngai thờ, án gian, kiệu bát cống, đồ bát bửu, âm bông, ống hoa, đài rượu, đài nước...

Do những biến động của lịch sử và việc phân chia sử dụng các khu đất hành chính của xã Đình Chu, đình được di chuyển toàn bộ vào khu vực mới, hiện nay chính là nằm trong khuôn viên của UBND xã Đình Chu.

Cách đình không xa có một ngôi miếu thiêng thường gọi là miếu Đình Chu, có bức hoành phi đề “Hùng Vương Miếu” là nơi thờ chính, đình là nơi thờ vọng. Bài vị của Miếu có ghi “Đột Ngột Cao Sơn, Cổ Việt Hùng Thị, Thập Bát Thế Thánh Vương” và các đạo sắc phong năm Minh Mệnh thứ 2 có ghi “Phụng sự Thánh Tổ Hùng Vương”.

Xã Văn hóa Đình Chu, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc có dáng vẻ vừa cổ kính vừa hiện đại, xứng tầm với 3 danh hiệu Di sản Văn hoá Quốc gia được Nhà nước xếp hạng là: Đình, Đền và hàng cây Đại cổ hơn 400 tuổi đứng tháp tùng quanh ngôi Đền Đình Chu. Đền có kết cấu hình chữ Công (工) gồm tòa tiền tế và hậu cung, được khởi dựng vào đời Lê Trung Hưng và trùng tu vào đời Nguyễn. Đền thờ vua Hùng đời thứ nhất (Hùng Duệ Vương), có hàng cây Đại cổ hơn 400 tuổi đứng tháp tùng quanh. Với kiến trúc độc đáo của người Việt cổ thời Hùng Vương, trầm tư và linh thiêng, ngày đêm tỏa mát, hương thơm dịu dàng càng tô đậm chất làng quê Việt Nam, khiến những người con xa quê đã nhớ quê lại càng nhớ hương.

Vĩnh Phúc có không ít những ngôi chùa cổ đã được nhiều người biết đến, trong đó có một ngôi chùa đã tồn tại hàng trăm năm nay ở một làng khoa bảng, đó chính là chùa Vĩnh Phúc với tên Nôm là chùa Am.

Chùa Am được Viện Viễn đông Bác cổ kiểm kê năm 1939 cùng với những hiện vật quý như chuông, khánh, bia, cây hương đá... và đã được xếp hạng Di tích lịch sử cấp quốc gia năm 1993. Chùa Am tọa lạc ở cổng đông của làng Quan Từ, trên một gò đất nổi cao giữa cánh đồng trũng gọi là gò Am. Vào mùa nước, xung quanh ngập trắng chỉ còn gò Am nổi lên, người dân nơi đây vẫn ví ngôi chùa tựa như một bông sen và đường vào cổng làng như cuống của đài sen.

Chùa Am được xây dựng vào năm Bính Tý niên hiệu Chính Hòa (năm 1696), được ghi rõ trên cây hương đá dựng giữa sân chùa. Việc xây dựng kéo dài trong vòng 15 năm, đến năm Canh Dần niên hiệu Vĩnh Thịnh (1710) mới hoàn chỉnh. Khi đó kiến trúc chùa gồm có cổng chùa, sân chùa và hai tòa chính điện. Từ khi xây dựng đến nay, chùa đã qua nhiều lần trùng tu, đặc biệt là vào thời Nguyễn, vì vậy kết cấu và qui mô kiến trúc có thay đổi, thể hiện rõ nhất ở hai lớp kiến trúc khác nhau, không đồng nhất về kiểu dáng và qui mô. Chùa được xây dựng vào giai đoạn mà cả Đạo giáo và Nho giáo cùng phát triển. Do ảnh hưởng của tam giáo nên hệ thống tượng thờ trong chùa mang ý nghĩa của cả Đạo giáo và Nho giáo, song đạo Phật vẫn là chủ yếu và

được thờ ở tòa chính điện.

Chùa Vĩnh Phúc là di tích có giá trị đầy đủ về các mặt lịch sử, khoa học, nghệ thuật văn hóa. Lịch sử của ngôi chùa đã gắn liền với lịch sử văn hiến của làng Quan Tử. Đây là nơi sinh hoạt văn hóa tinh thần của nhân dân thôn Quan Tử và vùng phụ cận đã hàng trăm năm nay. Đến nay, chùa Am vẫn được nhân dân địa phương gìn giữ bảo quản tốt và đang được đầu tư mở rộng. Cùng với đền thờ Trần Nguyên Hãn và đền thờ Đỗ Khắc Chung, chùa Am đã và đang trở thành điểm đến tâm linh hấp dẫn ở vùng đất văn hiến này.

Đình Khả Do nằm trên địa bàn phường Nam Viêm, thành phố Phúc Yên, được xây dựng thời Hậu Lê (Lê Cảnh Hưng - 1741) thờ Tam Giang Đại Vương – Danh tướng giúp Triệu Việt Vương đánh tan giặc nhà Lương; Minh Phi Hoàng Hậu – Thánh Mẫu sinh ra Đức Tam Giang; Tá Phụ Nương Tử – Em gái Đức Tam Giang đã có công trong việc phụ trách quân lương.

Đình làng Khả Do là một công trình kiến trúc cổ, đồ sộ được xây dựng theo kiểu kiến trúc thời Hậu Lê. Đình được tập trung chạm trổ ở gian giữa, khu vực có hậu cung, nơi thánh ngự, nơi tập trung quân quyền và thần quyền và chủ yếu là hình rồng và các con vật vũ trụ, cùng với trần đình và các di vật thờ, các đồ trần thiết khiến đình Khả do hết sức nghiêm trang, biểu hiện uy quyền của văn hóa triều đình, đã tập trung và phát huy hết sức mạnh của nó. Với nghệ thuật tài tình, lối bố cục chặt chẽ, các con vật vũ trụ như long, ly, quy, phượng, nói lên ước vọng của cuộc sống con người ở đây từ hơn 200 năm về trước. Đây là thành công nổi bật của nghệ thuật chạm khắc trần gỗ ở đình Khả Do của nhân dân ta thời Lê Trung Hưng.

Đình làng Khả Do có một tục lệ rất đặc sắc đó là: Tục lệ "mua Quan viên", ngày nay gọi là "mua Tư văn" của trai đình trong làng. Thời phong kiến, cách mua là phải có xôi gà, trầu cau, thẻ hương chờ dịp lễ tiết đặt vào mâm đem lên đình lễ thành hoàng và trình làng mua quan viên. Ngày nay là nải chuối, trầu cau, thẻ hương để mua tư văn. Trai đình trong làng ai cũng muốn được mua bởi họ thấy tự hào là mình đã có chỗ ngồi ở đình làng nên phải sống có đạo lý- nền nếp gia phong kéo dân làng cười chê là kẻ tầm thường. Hiện nay, sổ theo dõi Tư văn vẫn kế tiếp sổ Quan viên ngày xưa rất chặt chẽ, công tâm. Người nào mua trước sẽ được xếp ngồi trước theo thứ tự (gọi là Bàn), không kể tuổi tác và chức sắc. Hai bàn đầu tiên gọi là bàn Nhất ngồi ở gian giữa đình, mỗi bàn ngồi 3 người. Hai bàn tiếp theo gọi là bàn Nhì cũng ngồi tiếp theo bàn Nhất ở gian giữa đình, mỗi bàn ngồi 4 người. Sau bàn Nhất, bàn Nhì mới đến bàn của chức sắc làng, xã cũng mỗi bàn 4 người ngồi ở gian giữa đình. Tiếp theo đến các bàn của Quan viên (Tư văn) đều ngồi 4 người ở hai bên tả hữu trong đình. Các bàn đều được trải chiếu và sắp cỗ ăn như nhau theo sự hướng dẫn của ban tổ chức. Quan viên (Tư văn) chỉ được chuyển đổi chỗ ngồi, bàn ngồi về phía trên, bàn trên khi người ngồi trước đã chết hoặc vắng mặt. Cứ như thế mà luân chuyển chỗ ngồi không được ưu tiên, bất kể người đó là ai.

Hiện nay, Đình Khả Do còn khá nhiều di vật thờ có giá trị quý về mỹ thuật cổ dân gian, được bài trí tập trung ở gian giữa của đình và trên hậu cung, từ dưới lên và theo chất liệu. Đồ gỗ có: kiệu bát cống, án gian thờ, ngai thờ, ngựa thờ, mâm bồng... Đồ giấy có: Ngọc phả, sắc phong... Đồ sứ có: bát hương, lục bình, nậm rượu. Đồ đồng có hạc, cây nến, đài. Đồ vải có quạt ống vả,

tàn, quần áo,...
